



BỘ CÔNG THƯƠNG

TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI - BỘ CÔNG THƯƠNG
BẢN TIN THÔNG TIN THƯƠNG MẠI



CHUYÊN ĐỀ

Số 26 Ngày 30 Tháng 8/2009

CP

SẢN XUẤT SẠCH HƠN TRONG CÔNG NGHIỆP

TRONG SỐ NÀY

T2 - 3 SẢN XUẤT SẠCH HƠN TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT SƠN; HỘI THẢO GIẢI PHÁP TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG TRONG CÔNG NGHIỆP T4 NHÀ MÁY THUỐC LÁ BÈN TRE: KINH NGHIỆM ÁP DỤNG SẢN XUẤT SẠCH HƠN T5 CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY PHONG CHÂU: HIỆU QUẢ TỪ CÁC GIẢI PHÁP SẢN XUẤT SẠCH HƠN T6 - 7 CÔNG TY TNHH HÙNG CẢ: ỨNG DỤNG THIẾT KẾ SẢN PHẨM BỀN VỮNG VÀ SẢN XUẤT SẠCH HƠN T8 HỒI ĐÁP

Công bố kịch bản biến đổi khí hậu ở Việt Nam

Vừa qua, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã công bố nội dung của kịch bản biến đổi khí hậu (BĐKH) ở Việt Nam. Kịch bản BĐKH và nước biển dâng được các chuyên gia xây dựng, tính toán dựa trên kịch bản phát thải khí nhà kính. Có ba kịch bản biến đổi khí hậu tại Việt Nam được xây dựng dựa trên ba kịch bản phát thải, đó là phát thải thấp, phát thải trung bình và phát thải cao. Kịch bản nước biển dâng cũng đã được xây dựng theo các kịch bản phát thải thấp - trung bình - cao.

Theo Viện trưởng Viện Khoa học khí tượng thủy văn và môi trường Trần Thục, do tính phức tạp của BĐKH và những hiểu biết chưa thật đầy đủ về BĐKH của Việt Nam cũng như trên thế giới, cùng với yếu tố tâm lý, kinh tế, xã hội, nên tạm thời kịch bản hài hòa nhất là kịch bản trung bình. Theo kịch bản trung bình, vào cuối thế kỷ 21, nhiệt độ trung bình năm có thể tăng lên 2,6 độ C ở Tây Bắc, 2,5 độ C ở Đông Bắc, 2,4 độ C ở Đồng Bằng Bắc bộ, 2,8 độ C ở Bắc Trung Bộ, 1,9 độ C ở Nam Trung Bộ, 1,6 độ C ở Tây Nguyên và 2,0 độ C ở Nam Bộ so với trung bình thời kỳ 1980 - 1999. Nhiệt độ ở các vùng khí hậu phía Bắc và Bắc Trung Bộ sẽ tăng nhanh hơn so với nhiệt độ ở các vùng khí hậu phía Nam. Tại mỗi vùng, nhiệt độ mùa đông sẽ tăng nhanh hơn nhiệt độ mùa hè.

Cũng theo kịch bản trung bình, tổng lượng mưa năm và lượng mưa mùa mưa ở tất cả các vùng khí hậu của nước

ta đều tăng, trong khi đó lượng mưa mùa khô có xu hướng giảm. Theo tính toán, nếu kịch bản trung bình xảy ra, vào giữa thế kỷ 21 (khoảng năm 2050), mực nước biển có thể dâng thêm khoảng 30cm và đến cuối thế kỷ này, mực nước biển có thể dâng thêm khoảng 75 cm so với thời kỳ 1980 - 1999.

Đến cuối năm 2010, Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ hoàn thành việc cập nhật các kịch bản BĐKH và đến năm 2015 tiếp tục cập nhật các kịch bản BĐKH, đặc biệt là nước biển dâng cho các giai đoạn đến năm 2100. ■

Kịch bản nước biển dâng									
Kịch bản NBD	Các mốc thời gian của thế kỷ 21								
	2020	2030	2040	2050	2060	2070	2080	2090	2100
Thấp	11	17	23	28	35	42	50	57	65
Trung bình	12	17	23	30	37	46	54	64	75
Cao	13	17	24	33	44	57	71	86	100

ÁP DỤNG SXSH LÀ TIẾT KIỆM CHI PHÍ, TĂNG LỢI NHUẬN, GIẢM Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG VÀ HƠN THẾ

Sản xuất sạch hơn trong ngành công nghiệp sản xuất sơn

Tài liệu hướng dẫn sản xuất sạch hơn trong ngành công nghiệp sản xuất sơn được biên soạn trong khuôn khổ hợp tác giữa Hợp phần sản xuất sạch hơn trong Công nghiệp (CPI), thuộc chương trình Hợp tác Việt Nam Đan Mạch về Môi trường (DCE), Bộ Công Thương. Tài liệu này được các chuyên gia chuyên ngành trong nước biên soạn nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản cũng như các thông tin công nghệ nên tham khảo và trình tự triển khai áp dụng sản xuất sạch hơn. Doanh nghiệp quan tâm có thể tìm hiểu thông tin chi tiết tại địa chỉ web của Hợp phần sản xuất sạch hơn trong công nghiệp: <http://cpi.thongtin.khcn.org.vn>.

Thực trạng ngành công nghiệp sản xuất sơn ở Việt Nam

Hoạt động chính trong sản xuất sơn là trộn, nghiền các nguyên liệu (nhựa, bột màu, dung môi và chất phụ gia) thành dung dịch có tính chất mong muốn. Do đó, thiết bị chính sử dụng trong ngành sản xuất sơn là thiết bị khuấy trộn và thiết bị nghiền. Ngành sản xuất sơn của Việt Nam có xuất phát điểm thấp, nhiều thiết bị trong dây chuyền là tự chế tạo hoặc nhập ngoại thuộc thế hệ những năm 70 của thế kỷ XX. Từ năm 2000 đến nay, ngành sơn của Việt Nam đã bắt đầu có sự đổi mới. Hầu hết các cơ sở sản xuất đã nhập thêm thiết bị và công nghệ mới. Đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, trình độ công nghệ đều ở mức độ cao. Theo đánh giá về trình độ công nghệ thì các cơ sở hiện tại đều thuộc loại trung bình khá và tiên tiến. Từ chỗ chỉ sản xuất được một vài loại sơn thông dụng, chất lượng thấp, đến nay, ngành sản xuất sơn của Việt Nam đã có thể sản xuất được nhiều loại sơn đặc chủng, có chất lượng cao như sơn trang trí, sơn dân dụng, sơn dầu, sơn nước, sơn nhũ tương, sơn bột,... và các loại sơn kỹ thuật như sơn trong môi trường nước biển (sơn tàu biển, dàn khoan), sơn giao thông (sơn mặt đường, sơn phản



Ngành sản xuất sơn có tiềm năng áp dụng SXSH với nhiều lợi ích về kinh tế và môi trường.

quang), sơn chống thấm, sơn chịu nhiệt... phục vụ cho từng yêu cầu đặc thù của khách hàng.

Về tác động môi trường, ngành sản xuất sơn sử dụng hóa chất và thải ra môi trường cả chất thải nguy hại. Ngành sản xuất sơn tiêu thụ nhiều dung môi hữu cơ nhất trên thị trường dung môi sử dụng trong công nghiệp (chiếm trên 44% lượng dung môi tiêu thụ trên thị trường, bao gồm cả mực in) và một phần dung môi được thải vào môi trường dưới dạng khí và lỏng. Bên cạnh đó, việc sử dụng bột màu chứa các oxit kim loại trong đó có các kim loại nặng độc hại cũng sinh ra phát thải ra môi trường dưới dạng bụi. Một lượng nhất định bột màu này còn trong sơn dính ở các thùng, bao bì... được thải đi dưới dạng chất thải rắn. Các dạng chất thải từ ngành sơn đều gây tác động tiêu cực tới môi trường.

Tiềm năng sản xuất sạch hơn của ngành sơn

Do đặc thù của ngành sản xuất sơn là sử dụng và phát thải nhiều

nguyên liệu độc hại nên tiềm năng áp dụng SXSH để giảm thiểu phát thải các hóa chất độc hại trong quá trình sản xuất cũng như sử dụng sơn là rất lớn. Đặc biệt là giải pháp chuyển đổi sản phẩm sang loại dung môi ít độc hoặc không dùng dung môi (sơn bột hoặc sơn nhũ tương gốc nước) v.v. Ngoài ra, việc áp dụng các giải pháp quản lý nội vi, kiểm soát vận hành sản xuất cũng mang lại những hiệu quả trong giảm thiểu phát thải hóa chất vào môi trường.

Ngành sản xuất sơn không phải là ngành sử dụng nhiều năng lượng. Tuy nhiên vẫn có cơ hội giảm tiêu thụ điện bằng các giải pháp SXSH. Việc giảm tiêu thụ điện có thể dễ dàng nhận thấy rõ thông qua kiểm soát thời gian muối ủ, nghiền, khuấy, sử dụng các động cơ có công suất hợp lý, động cơ hiệu suất cao, kiểm soát áp suất nén và nhiệt độ làm lạnh tối ưu. Bằng các giải pháp này có thể giảm tiêu thụ điện tới 30% so với mức hiện tại.

Cũng như điện, nước sử dụng trong ngành sơn không nhiều nhưng vẫn có tiềm năng SXSH để giảm tiêu thụ và giảm thải nước thông qua các biện pháp quản lý nội vi, tránh rò rỉ, chảy tràn hay các biện pháp rửa thiết bị bằng vòi phun áp lực... Các giải pháp trên có thể giảm tới 80% lượng nước rửa (so với khi rửa bằng vòi nước thường).■

Hội thảo Giải pháp tiết kiệm năng lượng trong công nghiệp

Vừa qua, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp TP.HCM (Hepza) phối hợp cùng Trung tâm Tiết kiệm năng lượng TP. HCM (ECC) và Công ty Điện lực TP. HCM đã tổ chức Hội thảo Giải pháp tiết kiệm năng lượng trong công nghiệp lần II. Tham dự hội thảo có đông đảo đại diện doanh nghiệp đang hoạt động tại các khu công nghiệp (KCN) và khu chế xuất (KCX) của TP.HCM.

Tại hội thảo, nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong KCN, KCX tiếp cận các chương trình, dự án, các giải pháp tiết kiệm năng lượng (TKNL), chuyên gia của ECC đã trình bày một số chính sách TKNL của Nhà nước và những lợi ích thiết thực mang lại cho doanh nghiệp từ hoạt động kiểm toán năng lượng do ECC thực hiện. Kết quả kiểm toán của công ty Nhựa Tân Tiến đã cho thấy sau khi Công ty này thực hiện các giải pháp tiết kiệm năng lượng theo sự tư vấn của ECC đã tiết kiệm được hơn 2 tỉ đồng tiền điện mỗi năm.

Trong năm 2008, ECC đã thực hiện kiểm toán năng lượng cho 98 doanh nghiệp sản xuất trọng điểm, trong đó có 28 doanh nghiệp thuộc các KCN, KCX. Kết quả báo cáo kiểm toán năng lượng cho thấy tiềm năng tiết kiệm điện của 98 doanh

ngiệp đã thực hiện kiểm toán là 78,29 triệu kWh/năm, tương ứng số tiền tiết kiệm hàng năm khoảng 78 tỷ đồng.

Trong bối cảnh chi phí sản xuất tăng cao do giá điện, giá nhiên liệu tăng, việc tham gia hội thảo lần này không chỉ giúp các doanh nghiệp có điều kiện giao lưu, trao đổi kinh nghiệm mà còn có thể tìm kiếm những cơ hội tiếp cận với những công nghệ, giải pháp TKNL giúp kinh doanh hiệu quả hơn nhờ tiết giảm chi phí. Trong khuôn khổ hội thảo, Công ty CP Bóng đèn Điện Quang và Công ty TNHH ABB cũng đã trưng bày và giới thiệu sản phẩm cũng như công nghệ tiết kiệm điện của mình.

Kết thúc hội thảo, đại diện Ban quản lý các KCN & KCX, Công ty Điện lực TP.HCM và ECC dự kiến sẽ lập tổ kiểm tra để tiến hành kiểm tra các doanh nghiệp có mức tiêu thụ điện cao để từ đó dùng biện pháp quản lý việc tiêu thụ điện tại doanh nghiệp và hướng dẫn doanh nghiệp tiến hành kiểm toán năng lượng.■



Sản phẩm tiết kiệm năng lượng trưng bày tại hội thảo.

NHÀ MÁY THUỐC LÁ BẾN TRE:

Kinh nghiệm áp dụng sản xuất sạch hơn

Công ty Thuốc lá Bến Tre là một trong các doanh nghiệp đi đầu áp dụng chương trình sản xuất sạch hơn (SXSH) trong công nghiệp tại địa phương. Sau hơn một năm thực hiện SXSH, Công ty đã nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, đồng thời giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

- Đầu tư các giải pháp sản xuất sạch hơn 815 triệu đồng
- Giảm tiêu thụ 25% lượng dầu FO/tháng
- Tiết kiệm 600 triệu đồng/năm
- Giảm phát thải 1,6 triệu m³ khí thải/năm

4
Số 26 Ngày 30 Tháng 8/2009

Ông Nguyễn Tấn Phước- Phó Giám đốc Công ty cho biết: Công ty Thuốc lá Bến Tre tham gia chương trình triển khai áp dụng SXSH từ tháng 7/2008. Trước đây, mỗi tháng Công ty sử dụng 22.000 lít dầu FO để đốt lò hơi. Sau khi áp dụng các biện pháp nhằm tiết kiệm dầu như thay mới các đường ống, thay mới bẫy hơi, lắp bình chứa nước ngưng, chỉnh lượng oxy dư khi đốt lò thì lượng dầu giảm được 25 %/tháng. Theo số liệu này, Công ty tiết kiệm được khoảng 600 triệu đồng/năm. Hiện nay, Công ty đang tiếp tục theo dõi để chỉnh các bẫy hơi của các máy sấy sợi và sấy cọng, chắc chắn rằng con số tiết kiệm được sẽ nâng cao hơn nữa. Về môi trường, khi lượng dầu tiêu thụ ít hơn thì lượng khí thải xả ra môi trường sẽ giảm đi rất nhiều. Theo tính toán thì lượng khí thải giảm được 1.600.000m³/năm. Tuy nhiên, đối với Công ty, vấn đề quan trọng nhất sau khi áp dụng SXSH là khống chế được bụi và mùi thuốc lá phát sinh trong quá trình sản xuất.

Hiện tại, Công ty đang tập

trung thực hiện giải pháp xử lý ô nhiễm không khí và xử lý nước thải. Công ty đã thuê thiết kế kỹ thuật, thẩm định và tiến hành đấu thầu rộng rãi theo các quy định của Nhà nước. Công ty đã ký hợp đồng thi công với đơn vị trúng thầu vào cuối tháng 7 vừa qua, thời hạn thực hiện hợp đồng là 4 tháng.

Ông Nguyễn Tấn Phước cũng chia sẻ kinh nghiệm áp dụng SXSH của Công ty Thuốc lá Bến Tre: Thứ nhất, cần phải tổ chức tập huấn nhận thức và kiến thức về SXSH cho cán bộ công nhân viên trong đơn vị, vì

chính họ tham gia trực tiếp trong quá trình lao động sản xuất, và chính họ đề xuất những giải pháp sát với thực tế, hiệu quả cao; Thứ hai, SXSH có ý nghĩa đối với tất cả các cơ sở công nghiệp dù hiện đại hay lạc hậu, dù lớn hay nhỏ, dù tiêu thụ nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng nhiều hay ít; Thứ ba, mọi quá trình sản xuất đều phải được theo dõi để kiểm soát mức tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu, năng lượng và đồng thời phát hiện kịp thời những đột biến để có biện pháp xử lý. ■



Nhà máy thuốc lá Bến Tre đạt nhiều lợi ích từ việc áp dụng SXSH.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIẤY PHONG CHÂU:

Hiệu quả từ các giải pháp sản xuất sạch hơn

Công ty cổ phần Giấy Phong Châu (Phú Thọ) chủ yếu sản xuất giấy Krap sóng từ nguyên liệu tre nửa, các loại giấy phế thải và các chất phụ gia khác với công suất 10.000 tấn/năm. Công ty sử dụng công nghệ kiểm lạnh nên thải ra môi trường nguồn nước thải có chứa kiềm dư, bột giấy lơ lửng có chứa hàm lượng BOD, COD cao. Ngoài ra, Công ty cũng thải ra môi trường một lượng khí thải gồm CO₂, SO₂ và bụi than do quá trình cháy của lò hơi. Chất thải rắn bao gồm các loại xơ sợi xenlulo phân hủy từ bã nguyên liệu được đổ chung vào bã chứa chất thải rắn của Công ty Giấy Bãi Bằng.



Điều kiện làm việc của công nhân được cải thiện nhờ áp dụng SXSH.

Với mong muốn giảm thiểu ô nhiễm môi trường, Công ty đã tham gia dự án SXSH của Hợp phần sản xuất sạch hơn trong công nghiệp (CPI), Công ty đã thực hiện 4 giải pháp SXSH hiệu quả: Giải pháp thứ nhất là thay thế lò hơi đốt than bằng lò hơi đốt Biomass. Công trình được khởi công bắt đầu từ quý IV/2008 và đưa vào vận hành quý I/2009. Giải pháp đã đưa lại lợi ích rất lớn về kinh tế cho Công ty nhờ tiết kiệm được gần 1,9 tỷ đồng/năm. Giải pháp cũng góp phần giảm thiểu đáng kể ô nhiễm về môi trường như giảm lượng khí CO₂ gây hiệu ứng nhà kính, giảm lượng khí SO₂ khoảng 3,4 tấn/năm.

Giải pháp thứ hai là hoàn thiện mái che nguyên liệu lò hơi. Nguyên liệu lò hơi chủ yếu là các loại Biomass thải của Công

ty giấy Bãi Bằng, khi không có mái che, loại nguyên liệu này sẽ bị phân hủy gây ô nhiễm nguồn nước và tạo bụi khi nắng to. Đặc biệt, loại nguyên liệu này nếu không có mái che khi trời mưa sẽ bị trôi đi rất nhiều gây lãng phí và ô nhiễm. Kể từ khi có mái che, lượng Biomass đảm bảo độ ẩm cho phép nên đưa vào lò cháy rất tốt.

Giải pháp thứ ba là xây dựng nhà chứa nguyên liệu xeo II và xeo III. Nguyên liệu sản xuất giấy Krap của Công ty chủ yếu được thu mua từ giấy loại thu gom về tập kết tại sân của Công ty nên không có mái che. Mưa gây thổi mủn làm ô nhiễm nguồn nước và bị hao rất nhiều. Khi trời nắng và gió to sẽ sinh ra nhiều bụi phát tán vào môi trường. Từ khi đưa mái che vào sử dụng, việc nguyên liệu bị thất thoát và mủn thổi được

khống chế triệt để, không làm ô nhiễm môi trường. Ước tính, giải pháp đem lại lợi ích khoảng gần 500 triệu đồng/năm.

Giải pháp thứ tư là xây dựng hệ thống xử lý nước thải. Toàn bộ phần xây dựng hệ thống bể và rãnh thu gom nước của công ty đã xây dựng xong, đang tiến hành lắp đặt thiết bị. Dự tính khi đưa vào vận hành, hệ thống xử lý nước thải sẽ đem lại khoảng 210.000m³/năm nguồn nước tái sử dụng, thu lợi 84 triệu đồng/năm. Hệ thống này còn góp phần thu hồi một lượng bột trong nước thải ước tính khoảng 750 tấn/năm, thu lợi gần 1,9 tỷ đồng/năm. Ngoài ra, việc triển khai giải pháp còn đem lại những lợi ích về môi trường như giảm lượng nước thải và bột giấy thải ra môi trường, cải thiện điều kiện làm việc của công nhân. ■

CÔNG TY TNHH HÙNG CÁ:

Ứng dụng thiết kế sản phẩm bền

Hùng Cá là công ty mới thành lập, có tiền thân là một cơ sở nuôi trồng thủy sản nổi tiếng trong tỉnh Đồng Tháp. Hùng Cá có một ưu thế so với nhiều công ty khác là tạo được một chuỗi liên tục từ nuôi trồng đến sản phẩm cuối cùng tới khách hàng (dưới tên thương hiệu của các công ty nhập khẩu). Sản phẩm của Hùng Cá hoàn toàn là cá tra: phi lê, nguyên con. Công ty chưa sản xuất các loại phụ phẩm từ ruột, đầu, da và mỡ cá mà bán cho các đơn vị khác làm nguyên liệu. Cá tra là sản phẩm đặc hữu của đồng bằng sông Mê Kông, do vậy Hùng Cá đang có một dự án xúc tiến sản phẩm cá sạch Mê Kông mang thương hiệu riêng của Công ty tới người tiêu dùng. Công ty đã quyết định tham gia Dự án “Sản xuất sạch hơn vì Sản phẩm Tốt hơn (Cleaner Production for Better Products-aCP4BP)” do Cộng đồng châu Âu (EC) tài trợ.

Tiềm năng thiết kế sản phẩm bền vững

Về sản xuất, Hùng Cá có một dây chuyền sản xuất hiện đại mới đưa vào khai thác hơn 1 năm. Tuy nhiên, dây chuyền còn có nhiều tiềm năng áp dụng SXSH trong các lĩnh vực như tối ưu hóa thao tác công nhân, phân tách dòng thải để giảm thiểu tải lượng nước thải cần xử lý, tiết kiệm năng lượng và sử dụng tối ưu thiết bị.

Dự án đã xác định tiềm năng ứng dụng thiết kế sản phẩm bền vững (D4S) của Công ty:

- Thực hiện SXSH tại tất cả các khâu trong quá trình sản xuất, từ chọn giống, nuôi trồng cho đến thu hoạch và chế biến. Áp dụng nuôi trồng sạch và bền vững cho vùng nuôi của doanh nghiệp, giảm tiêu thụ nước sạch và giảm xả nước thải ra sông.

- Giảm tiêu thụ nguyên liệu và năng lượng: tối ưu hóa và kiểm soát tốt quá trình làm lạnh, giảm thiểu lượng nước sạch và nước thải cần xử lý.

- Tối ưu hóa quá trình sản xuất, chuyển các thiết bị dùng nhiều điện sang chạy giờ thấp điểm để giảm chi phí điện năng, chất lượng điện ổn định hơn và đỡ phải chạy máy phát.

- Phát triển các sản phẩm phụ từ đầu, ruột, mỡ và da cá.

- Tối ưu hóa đóng gói sản phẩm ngay từ khâu thiết kế: giảm chi phí cho vật liệu, hình ảnh bắt mắt hơn và đáp ứng tốt hơn thị hiếu người tiêu dùng châu Âu.

Xây dựng nhân sự của tiểu dự án

Nhóm Đổi mới sản phẩm (PIT)

của Hùng Cá có 9 người, chia làm hai nhóm nhỏ. Một bộ phận chuyên thực hiện các cải tiến trong quá trình sản xuất (sản xuất sạch hơn) tại nhà máy ở Đồng Tháp và một bộ phận chịu trách nhiệm về nghiên cứu thị trường, xúc tiến thương mại và đổi mới sản phẩm đóng tại TPHCM. Các nhóm này họp với nhau 1 tháng/lần và thường xuyên trao đổi thông tin qua điện thoại, email và Skype. Cùng tham gia làm việc với nhóm PIT là các chuyên gia của dự án, gồm có: chuyên gia sản xuất sạch, ông Nguyễn Hồng Long và ông Vũ Bá Minh; chuyên gia đóng gói sản phẩm, ông Roland ten Klooster; chuyên gia thiết kế và phát triển sản phẩm, ông Marcel Crul và bà Nguyễn Thị Thanh Bình; chuyên gia về chiến lược sản phẩm và marketing, và cô Emmeliek. Đối với ngành thủy sản, bao bì sản phẩm là vấn đề quan trọng đầu tiên khi tính đến đổi mới sản phẩm. Vì vậy dự án đã bố trí để ông Roland ten Klooster, một trong những chuyên gia đầu ngành về đóng gói ở châu Âu làm việc cùng với Công ty.

Thực hiện tiểu dự án trình diễn kỹ thuật tại Công ty

Các chuyên gia dự án và nhóm PIT của Hùng Cá đã gặp nhau trong 9 buổi làm việc. Ban đầu, hai trọng tâm đã được lựa chọn là cải tiến đóng gói và bao bì sản phẩm và đánh giá SXSH tại nhà máy. Sau đó, một ý tưởng về sản phẩm cá tra sạch được Công ty ấp ủ đã được tiếp tục phát triển. Mặc dù gặp phải nhiều khó khăn của riêng ngành cá tra vào đầu

vững và sản xuất sạch hơn

năm 2008 do khó khăn về vay vốn ngân hàng, các hoạt động của tiểu dự án đã không bị ảnh hưởng đáng kể. Có thể nói, với một công ty trẻ, sự nhiệt huyết của một số thành viên chủ chốt đã đóng vai trò quyết định trong việc duy trì và thúc đẩy các hoạt động của dự án mặc dù chịu sức ép rất lớn về khối lượng công việc. Song song với vấn đề bao bì, Công ty đã thực hiện một đánh giá SXSH với trọng tâm là tiêu thụ điện nước. Một hệ thống đồng hồ đo điện và nước tương đối hoàn chỉnh đã được lắp đặt. Các giải pháp quản lý nội vi, lắp vòi cao áp đã được áp dụng. Công ty cũng đã ký hợp đồng xây dựng một phần mềm quản lý tích hợp để phục vụ công tác quản lý sản xuất.

Kết quả

Kết quả nổi bật nhất là Công ty Hùng Cá đã làm chủ được cách đóng gói sản phẩm tối ưu: vừa giảm các chi phí đóng gói, vận chuyển; giảm khối lượng lao động; lại vừa giảm tác động môi trường trong các khâu này. Khách hàng của Công ty cũng được hưởng lợi nhờ giảm chi phí bốc dỡ, vận chuyển và thuê tái chế đánh vào các vật liệu bao bì. Chẳng hạn như nhờ giảm kích thước thùng nên số lượng hàng trong container tăng lên 2,2%, giảm tiêu thụ vật liệu đóng gói 426.000 đồng/container. Kinh nghiệm cải tiến đóng gói cũng là cơ sở để Công ty đàm phán với khách hàng về quy cách, chi phí cho đóng gói và bao bì các sản

Kĩ thuật thiết kế sản phẩm bền vững

Kĩ thuật D4S cơ bản bao gồm các biện pháp tương tự như trong đánh giá sản xuất sạch hơn, ví dụ như tăng hiệu quả sử dụng năng lượng, sử dụng các nguyên liệu tái chế, thiết kế hướng đến khả năng tái chế, giảm thiểu sử dụng các nguyên liệu độc hại, kéo dài vòng đời sản phẩm và cung ứng dịch vụ theo những hướng mới. Việc phân tích vòng đời sản phẩm và quản lý chuỗi cung ứng là các công cụ chính xác hơn để đánh giá dòng nguyên liệu và các tác động môi trường trong suốt vòng đời của sản phẩm. Công cụ này có thể giúp các nhà thiết kế tạo ra những cải tiến bổ sung cho sản phẩm. Ở nhiều nước phát triển, việc thực hiện D4S còn gắn với các khái niệm rộng hơn ví dụ như gói sản phẩm và dịch vụ hỗn hợp, sản xuất sạch hơn, cải tiến hệ thống và các giải pháp dựa trên vòng đời sản phẩm.

phẩm mới sau này. Về SXSH, sau 3 tháng thực hiện Công ty đã giảm được 32,4% tiêu thụ nước và 4,9% tiêu thụ điện.

Hướng đi tiếp theo

Công ty Hùng Cá tiếp tục công tác đổi mới sản phẩm theo phương pháp luận đã được trang bị. Với sản phẩm cá tra sạch, khi kinh tế thế giới hồi phục, Công ty sẽ tiếp tục xúc tiến theo phương châm: Phát triển dòng sản phẩm mới "Better Panga", chất lượng ổn định, sản phẩm mang các yếu tố bền vững và được marketing như một sản phẩm bền vững, hướng tới thị trường ngách quốc tế về các sản phẩm bền vững. Cụ thể là: chủ động các yếu tố kiểm soát quy trình sản xuất, chất lượng và môi trường vùng nuôi; giảm thiểu chi phí và tác động môi trường trong các quá trình sản xuất, đóng gói, vận chuyển. Mặt khác, hiện nay thị trường trong nước vẫn chưa được khai thác đúng mức nên Công ty có ý định

phát triển sản phẩm riêng cho thị trường này.

Công tác SXSH cũng sẽ được mở rộng trọng tâm ra toàn bộ nhà máy sản xuất nhằm giảm chi phí sản xuất, tăng chất lượng sản phẩm, đảm bảo đúng thời gian giao hàng, đảm bảo đáp ứng sản lượng cao. Công ty cũng nhận thấy tầm quan trọng của việc xây dựng đội ngũ phát triển sản phẩm đủ năng lực: Công ty có nhiều cán bộ trẻ, có năng lực và gắn bó lâu dài. Sau khi kết thúc dự án, Công ty mong muốn đội ngũ này có thể kết hợp với mạng lưới do dự án giúp xây dựng tiến tới phát triển sản phẩm mới.

Bài học kinh nghiệm

Cá tra là sản phẩm đặc hữu của Việt Nam với các ưu thế rẻ, sản lượng lớn, tương đối ngon và hợp khẩu vị người tiêu dùng các nước phát triển. Lẽ ra Việt Nam mới là phía có tiếng nói quyết định với thị trường. Nhưng do các bất cập...

(Mời xem tiếp trang 8)

(Tiếp theo trang 7)

...về chất lượng, thời gian giao hàng, thiết kế và kênh phân phối sản phẩm nên cá tra Việt Nam vẫn chưa được biết đến như một thương hiệu quốc gia. Ngay cả tên của công ty sản xuất nhiều khi vẫn không có trên sản phẩm đến người tiêu dùng. Sự nỗ lực của một công ty đơn lẻ không thể làm thay đổi tình hình này. Ngược lại, tính thiếu bền vững của hệ thống lại tác động tiêu cực đến các nỗ lực đổi mới của các công ty chịu rủi ro đi đầu. Điều này đưa đến sự cần thiết phải có một chiến lược sản phẩm nhất quán mang tầm quốc gia đối với con cá tra của Việt Nam. Một bài học khác của tiểu dự án là sự trao đổi thông tin liên tục giữa các bên với nhau, nhất là với chuyên gia nước ngoài, gặp nhiều khó khăn. Nhiều thành viên PIT không nói tiếng Anh còn chuyên gia không hiểu tiếng Việt nên phụ thuộc nhiều vào công tác biên dịch của dự án. Ngoài ra, do không có một nhân viên chuyên sâu về thiết kế bao bì nên không phải lúc nào nhóm PIT của Công ty cũng hiểu hết được các ý kiến của chuyên gia. ■

Hỏi:- Những lợi ích của việc thực hiện Chương trình 5S?

Đáp:- Việc thực hiện Chương trình 5S đem đến nhiều lợi ích rất cụ thể cho doanh nghiệp, bao gồm:

Sản lượng sản xuất gia tăng khi nhà máy được sắp xếp ngăn nắp trật tự, tháo gỡ những trở ngại trong sản xuất... Khâu kiểm soát sản xuất được thực hiện dễ dàng hơn. Vật tư, phụ tùng không bị để lạc lối hay lộn xộn. Việc lắp ráp chi tiết, gá lắp phụ tùng, linh kiện lên máy móc, thiết bị được tăng tốc, nguyên liệu thô hay vật tư đã gia công ít để dồn đống. Các khâu kiểm tra lao động và thu thập thông tin dữ liệu được tiến hành dễ dàng và nhanh chóng hơn. Vật tư và phụ tùng được bảo quản và tận dụng. Tất cả vật tư hay phụ tùng không dùng, phế phẩm và mẫu vụn... đều được dời đi tới những nơi thích hợp. Thời gian được tiết kiệm. Việc mất công đi tìm kiếm nguyên vật liệu, dụng cụ và đồ dùng... được chấm dứt. Công nhân có chỗ rộng hơn để làm việc thoải mái và không còn thời gian giờ cho việc dọn dẹp để tìm chỗ làm việc. Mặt bằng nhà xưởng nay thông thoáng cho việc sản xuất chứ không còn rác rưởi bừa bãi hay dồn đống những đồ đạc không cần thiết. Việc bảo trì, sửa chữa thiết bị được tiến hành thuận lợi. Nhân viên cơ điện không phải lo lau chùi bụi bặm, dầu nhớt, có thêm chỗ trống thuận tiện cho thao tác. Chế độ bảo quản an toàn được thực hiện vững chắc hơn. Xóa bỏ không gian chật chội giúp cho việc vận hành thiết bị máy móc được an toàn. Nền nhà xưởng thông thoáng sạch sẽ làm giảm bớt va chạm, trượt ngã ở những nơi có dầu mỡ, lối đi thông thoáng cũng giúp giảm thiểu các vụ đụng xe, đụng vào người nhau, đụng vật tư ngã đổ... Công tác Phòng cháy chữa cháy được tăng cường. Rủi ro hỏa hoạn và cháy nổ được giảm thiểu. Mặt bằng thông thoáng giúp thoát hiểm nhanh. Tinh thần đạo đức được nâng cao. Công nhân quan tâm đến nhà máy hơn.

Một số điểm cần lưu ý trước khi thực hiện 5S:

1. Chuẩn bị đầy đủ, kỹ lưỡng để việc thực hiện được triệt để và đạt kết quả cao.
2. Dự trù và chuẩn bị sẵn sàng kinh phí triển khai, duy trì 5S.
3. Phối hợp, hợp tác thực hiện đồng bộ và xuyên suốt.
4. Chụp ảnh để phân tích, cải tiến và khẳng định thành quả của tổ chức, cá nhân.
5. Đánh giá và đo lường mức độ áp dụng một cách thẳng thắn, công bằng và công khai.
6. Chân chính kịp thời hành vi vi phạm đồng thời với việc khuyến khích, động viên và khen thưởng phù hợp.
7. Gương mẫu chấp hành và đi đầu trong hành động của các cấp quản lý đặc biệt là lãnh đạo cấp cao. ■

(Mời xem tiếp kỳ sau: Các bước triển khai thực hiện 5s)

Chuyên đề được thực hiện với sự hỗ trợ của Chương trình Hợp tác phát triển Việt Nam - Đan Mạch về môi trường - Hợp phần Sản xuất sạch hơn trong công nghiệp

LIÊN LẠC VỚI CHÚNG TÔI ĐỂ BIẾT THÊM THÔNG TIN

- Ban giám đốc Hợp phần CPI - Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương
- Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội - Điện thoại/Fax: (84.4) 22202312
- Văn phòng Hỗ trợ Hợp phần CPI - Địa chỉ: 25 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại/Fax: (84.4) 39365065 - Email: cpi.dce@hn.vnn.vn
- Website: <http://cpi.thongtinkhcn.org.vn>
- Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại -
- Địa chỉ: Số 2 ngõ 38A Lý Nam Đế, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: (84.4) 22192565 - Fax: (84.4) 37475167 - Email: thudn@moit.gov.vn

Bản tin Thông tin thương mại - Chuyên đề CP

Giấy phép xuất bản số: 5225/VH TT - BC ngày 18/11/2002 của Bộ Văn hóa Thông tin



BẢN TIN MIỄN PHÍ - HÃY CHUYỂN BẢN TIN NÀY ĐỂ MỌI NGƯỜI CÙNG XEM